

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày: 11-02-2022
“V/v tranh chấp thừa kế quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Thới

Bà Kiều Thị Kim Dung

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2019/TLST-DS ngày 03/9/2019, về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Lưu Thị Đ, sinh năm 1933 (đã chết ngày 05/12/2021);

Địa chỉ: Số 73/4 Ấp Bình Lương 1, xã Bình Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ:

1.1. Bà Võ Thị N, sinh năm 1952 (có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: Số 03 đường Trung Trắc, thị trấn Thủ Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An

1.2. Ông Võ Phú T, sinh năm 1962 (có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Gò L, xã Tân Đ, huyện Gò Công Đ, tỉnh Tiền Giang.

1.3. Ông Võ Phú D, sinh năm 1966 (có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Bình Lương T, xã Bình Th, huyện Thủ Th, Long An

1.4. Bà Võ Thị Ánh T, sinh năm 1967 (có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Bình Lương T, xã Bình Th, huyện Thủ Th, Long An

1.5. Bà Võ Thị Ánh T7, sinh năm 1972 (có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: Hẻm 1, khu phố 3, đường Nguyễn Hữu Thọ, thị trấn Bến L, huyện Bến L, tỉnh Long An.

1.6. Ông Võ Phú T1, sinh năm 1955;

Địa chỉ: D12, cư xá phường X, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

2. Bà Võ Thị N, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số 03 đường Trung Trắc, thị trấn Thủ Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An

3. Ông Võ Phú T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp Gò Lúc, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

4. Ông Võ Phú D, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp Bình Lương T, xã Bình Th, huyện Thủ Th, Long An

5. Bà Võ Thị Ánh T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp Bình Lương T, xã Bình Th, huyện Thủ Th, Long An

6. Bà Võ Thị Ánh T7, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Hẻm 1, khu phố 3, đường Nguyễn Hữu Thọ, thị trấn Bến L, huyện Bến L, tỉnh Long An.

7. Ông Võ Phú T1, sinh năm 1955;

Địa chỉ: D12, cư xá phường Y, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền bà N, ông T, ông Duyệt, bà Tuyết, bà Tr: Ông Võ Phú T1, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: D12, cư xá phường Y, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Văn Tr, sinh năm 1937 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 339Đ, ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

2. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: 360Đ, Ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Văn N, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số 309 Lô F, cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông Võ Phú T1, sinh năm 1955 (có mặt);

Địa chỉ: D12, cư xá phường Y, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

2. Ông Võ Phú T2, sinh năm 1953;

Địa chỉ: 17 MC Mullen Ave Carlingford NSW 2118, Australia.

3. Ông Võ Phú T3, sinh năm 1959;

Địa chỉ: 62 Housion St Westnesd NSW 2145 Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thanh, ông Toàn: Ông Võ Phú T1, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: D12, cư xá phường Y, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

4. Bà Võ Thị L, sinh năm 1959 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ liên lạc: 874/32 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Võ Thị T4, sinh năm 1963 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: 30A/1 Nguyễn Văn Côn, phường Y, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

6. Bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: 339Đ, ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

7. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: 339Đ, ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

8. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Bình Tây, xã Tân Bình, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

9. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ Phú, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

10. Bà Huỳnh Thị T5, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: 55 Dương Văn Dương, khu phố 3, thị trấn Tân Thạnh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

11. Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: 162 Khu phố 4, Huỳnh Châu Thổ, ấp Vàm, thị trấn Bến L, tỉnh Long An.

12. Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1967 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

13. Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1976 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp 3, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

14. Bà Phan Thị Ánh P, sinh năm 1969 (vợ ông N, vắng mặt có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: 360Đ, Ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

15. Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn S – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn T6 – Phó chủ tịch (có đơn xin vắng mặt, theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2019, ngày 04/11/2021, các đồng nguyên đơn gồm bà Lưu Thị Đ, bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1 do ông Võ Phú T1 là người đại diện theo ủy quyền (ông T1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N, ông Võ Phú T2, ông Võ Phú T3). Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ gồm bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1 thống nhất trình bày như sau:

Về hàng thừa kế: Bà Lê Thị Vàng (chết năm 2000) có 03 người con là ông Võ Phú Hiếu (chết năm 1975); ông Võ Phú Thảo (chết năm 2008); bà Võ Thị Hóa (chết năm 1989). Ngoài ra, không còn người con nào khác.

Ông Võ Phú Hiếu (chết năm 1975) có 05 người con bao gồm: Ông Võ Văn N, ông Võ Phú T2, ông Võ Phú T3, bà Võ Thị L, bà Võ Thị T4. Ngoài ra, không còn người con nào khác.

Ông Võ Phú Thảo (chết năm 2008) có vợ là bà Bà Lưu Thị Đ, sinh năm 1933; Ông Thảo và bà Đ có 06 người con chung bao gồm: Bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1. Ngoài ra, không còn người con nào khác.

Bà Võ Thị Hóa (chết năm 1989) có chồng là ông Huỳnh Văn Tr, sinh năm 1937; bà Hóa và ông Tr có 10 người con chung gồm: Bà Huỳnh Thị L1, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị T5, bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn K, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị Kim Thoa (bà Thoa đã chết cách đây khoảng 10 năm, không có chồng, con). Ngoài ra, không còn người con nào khác.

Về tài sản: Năm 1955, bà Lê Thị Vàng có mua 36.000m² đất lúa tại xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An (có bằng khoán chế độ cũ cấp) và canh tác cho đến năm 1975. Thời gian này ông Tr đi lính và cải tạo xong thì về tá túc bên nhà mẹ vợ là bà Lê Thị Vàng. Sau năm 1975, ruộng đất của bà Vàng được đưa vào tập đoàn sản xuất số 8, xã Nhị Th. Năm 1989, khi giải thể tập đoàn thì nhà nước có trả cho bà Vàng 01 ha đất, bà Vàng không đồng ý nên tiếp tục khiếu nại nhưng không được chấp nhận. Sau đó, các hộ dân nhận đất của bà Vàng sản xuất đã tự nguyện trả cho bà Vàng 7.670m², tổng cộng phần đất được nhận lại là 17.670m². Bà Vàng

canh tác phần đất này từ năm 1989 và được xác định là chủ sử dụng đất theo biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Th ngày 18/4/2001 và Quyết định số 1343 ngày 13/8/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th. Bà Lê Thị Vàng trước khi chết có lập “tờ ủy quyền chúc ngôn” ngày 29/6/1992 cho con là ông Võ Phú Thảo phần đất ruộng 3,6 ha tọa lạc tại xã Nhị Th hiện nay là các thửa 2159, 2158, 2175, 2156 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An tổng diện tích 04 thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 17.769m² (diện tích đo đạc thực tế là 17875,2m²). Năm 2000, bà Vàng chết. Năm 2001, ông Thảo mang tờ chúc ngôn đến Ủy ban nhân dân xã đòi lại đất thì biết ông Tr là con rể bà Vàng ở chung nhà với bà Vàng từ năm 1963 đã tự ý đăng ký kê khai phần đất này từ năm 1995. Đến năm 1997, ông Tr đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Thảo có khiếu nại thì được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th giải quyết. Tuy nhiên, sau đó Ủy ban thu hồi Quyết định giải quyết khiếu nại với lý do đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Thảo đã nhờ Ủy ban xã Nhị Th hòa giải nhưng kết quả không T. Sau đó, ông Tr lại tiếp tục chuyển nhượng phần đất này cho con là ông Huỳnh Văn N thửa 2156, 2158, tờ bản đồ số 2, diện tích 7.174m² (diện tích đo đạc thực tế của hai thửa là 7.613m²).

Ngày 31/01/2007, ông Thảo đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thủ Th. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2010/DS-ST ngày 04/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Th đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 103/2011/DS-PT ngày 28/4/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã xác định “mặc dù bà Vàng lập giấy ủy quyền thay chúc ngôn ngày 29/6/1992 thời điểm này chưa cho lập di chúc là quyền sử dụng đất lúa nhưng ngày 15/10/1993 Luật đất đai sửa đổi cho thừa kế quyền sử dụng đất. Năm 2000, bà Vàng mới chết nên quyền sử dụng đất của bà Vàng có trước năm 2000 là di sản thừa kế nhưng bà Vàng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúa nên Tòa án không thể chia di sản thừa kế”. Đồng thời, Bản án đã kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Văn Tr và ông Huỳnh Văn N đối với các thửa đất tranh chấp. Xem xét cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th.

Tại quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 04/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Văn Tr và ông Huỳnh Văn N đối với các thửa đất tranh chấp. Qua đó, có cơ sở xác định phần đất này có nguồn gốc là của bà Vàng để là cho con là ông Thảo.

Do đó, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Lê Thị Vàng theo pháp luật gồm các thửa 2159, 2158, 2175, 2156 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An tổng diện tích 04 thửa là 17.769m² (diện tích đo đạc thực tế là 17875,2m²).

Trước đây, do chưa qua đo đạc thực tế nên ông chỉ khởi kiện theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Hiện nay phần đất tranh chấp qua đo đạc

thực tế tăng lên, cụ thể các thửa 2159, 2158, 2175, 2156 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An tổng diện tích 04 thửa theo giấy chứng nhận là 17.769m² (diện tích đo đạc thực tế là 17875,2m²) nên đề nghị giải quyết theo diện tích đo đạc thực tế. Đối với phần diện tích đo đạc thực tế này thì các đồng nguyên đơn cũng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm bổ sung theo quy định pháp luật.

Do bà Lê Thị Vàng có ba người con gồm Võ Phú Hiếu, Võ Phú Thảo, Võ Thị Hóa (tất cả đều đã chết) nên đề nghị chia làm ba kỷ phần thừa kế, mỗi kỷ phần thừa kế có diện tích là 5.958,4m² (trong tổng di sản thừa kế của bà Vàng có diện tích đo đạc thực tế là 17875,2m²).

Trong đó, các đồng nguyên đơn gồm: Bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1 là con của ông Võ Phú Thảo (hàng thừa kế thứ nhất của bà Vàng) được đồng sở hữu phần đất có diện tích 5.958,4m² thuộc các thửa 2159, 2158, 2175, 2156 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An, yêu cầu nhận bằng hiện vật quyền sử dụng đất. Về vị trí đất được nhận thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia vị trí phù hợp với hình thể thửa đất.

Các đồng nguyên đơn thống nhất chỉ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế nêu trên, ngoài ra, không còn bất kỳ yêu cầu khởi kiện nào khác. Đề nghị Tòa án giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong trường hợp có yêu cầu khởi kiện hoặc có tranh chấp gì khác thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Bị đơn ông Huỳnh Văn Tr vắng mặt và ông Huỳnh Văn N có mặt, ông Tr và ông N thống nhất trình bày như sau:

Ông Huỳnh Văn N là con của ông Huỳnh Văn Tr.

Các ông thống nhất về hàng thừa kế và diện thừa kế như phía nguyên đơn trình bày. Bà Lê Thị Vàng (chết năm 2000) có 3 người con là: ông Võ Phú Hiếu (chết năm 1975); ông Võ Phú Thảo (chết năm 2008); bà Võ Thị Hóa (chết năm 1989). Ngoài ra, không còn người con nào khác.

Ông Võ Phú Hiếu (chết năm 1975) có 05 người con bao gồm: Ông Võ Văn N, ông Võ Phú T2, ông Võ Phú T3, bà Võ Thị L, bà Võ Thị T4. Ngoài ra, không còn người con nào khác.

Ông Võ Phú Thảo (chết năm 2008) có vợ là bà Lưu Thị Đ, sinh năm 1933. Ông Thảo và bà Đ có các người con chung bao gồm: Bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1. Ngoài ra, không còn người con nào khác.

Bà Võ Thị Hóa (chết năm 1989) có chồng là ông Huỳnh Văn Tr, sinh năm 1937; bà Hóa và ông Tr có 10 người con chung gồm: Bà Huỳnh Thị L1, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị T5, bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn K, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị Kim Thoa

(bà Thoa đã chết cách đây khoảng 10 năm, không có chồng, con). Ngoài ra, không còn người con nào khác.

Về nguồn gốc đất: Phần đất có nguồn gốc của địa chủ Lê Văn Châu. Năm 1949, Việt Minh quản thủ giao đất cho nông dân canh tác. Năm 1955, bà Vàng và bà Lòi mua đất ruộng từ nông dân được 5,6ha (trong đó bà Vàng được 3,6ha, bà Lòi 2ha). Năm 1962, giải phóng đồng khởi buộc trả lại ruộng cho nông dân. Ông Thảo khi đó không dám ra ruộng và cùng vợ con bỏ ra Long An ở riêng. Cùng thời gian này, gia đình ông Tr được mẹ vợ là bà Vàng kêu về sống chung và ông Tr trực tiếp canh tác 3,6ha ruộng này. Mỗi năm, ông Tr phải đóng một thiên lúa để bà Vàng nuôi bà Vàng và gia đình của hai người con là ông Hiếu và ông Thảo. Đồng thời, ông Tr phải đóng thuế cho nhà nước cách mạng hàng năm. Ông Tr trực tiếp canh tác phần đất này đến hết năm 1976.

Năm 1976, chính quyền cách mạng tịch thu ruộng đất này nên có mời ông Tr và bà Vàng, bà Lòi đến làm việc. Năm 1976, chính quyền xã Nhị Th cho gia đình ông Tr cùng 12 hộ dân vào làm tập thể đến năm 1988. Năm 1989, nhà nước chia ruộng đất cho những hộ dân có công với cách mạng và những hộ dân không có ruộng gặp khó khăn. Ông Tr đã làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã Nhị Th xin cấp ruộng vì không có ruộng sản xuất và là người trực tiếp canh tác đất sản xuất. Sau đó, chính quyền xã không đồng ý trả lại 3,6ha đất lúa cho bà Vàng mà chia bình quân 13 nhân khẩu giải quyết cho ông Tr được 01 ha đất trồng lúa. Ngoài ra, do xét thấy hoàn cảnh gia đình ông Tr khó khăn nên người dân địa phương đồng ý nhường là 0,7ha đất lúa cho ông, tổng cộng là 1,7ha. Gia đình ông Tr canh tác phần đất này từ năm 1989 đến nay.

Trong đó, 13 nhân khẩu gồm: Bà Lê Thị Vàng, bà Võ Thị Hóa, ông Huỳnh Văn Tr, bà Huỳnh Thị L1, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị T5, bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn K, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị Kim Thoa.

Năm 1997, ông Tr được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên gồm các thửa 2159, 2158, 2175, 2156 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An tổng diện tích 04 thửa là 17.769m² (diện tích đo đạc thực tế là 17875,2m²).

Năm 2001, ông Thảo khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã Nhị Th là phần đất ruộng 1,7ha nhà nước trả cho bà Vàng chứ không phải trả cho ông Tr. Chủ tịch Ủy ban xã Nhị Th thời điểm đó đã xem xét và quyết định phần đất của bà Vàng đã bị thu hồi và cấp lại cho người trực canh là ông Tr canh tác.

Năm 2003, ông Thảo làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th và bị bác đơn khiếu nại. Ngày 31/01/2007, ông Thảo đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thủ Th. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2010/DS-ST ngày 04/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Th đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 103/2011/DS-PT ngày 28/4/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thì Tòa án không mời ông đến tham dự trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên ông không biết tham gia phiên tòa nên không đồng ý nội dung phần quyết định của bản án phúc thẩm. Tại quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày

04/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Văn Tr và ông Huỳnh Văn N đối với các thửa đất tranh chấp với lý do thi hành theo bản án phúc thẩm. Do phần đất tranh chấp là của ông Tr, không phải di sản của bà Vàng nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn.

Trong vụ án này, ông không có yêu cầu phản tố gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo diện tích đo đạc thực tế của các thửa 2159, 2158, 2175, 2156 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An tổng diện tích 04 thửa theo giấy chứng nhận là 17.769m² (diện tích đo đạc thực tế là 17875,2m²).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị L1, bà Huỳnh Thị H1 trình bày như sau: Các ông bà thống nhất toàn bộ phần trình bày của bị đơn ông Huỳnh Văn Tr và ông Huỳnh Văn N, không có yêu cầu khởi kiện gì trong vụ án này, không có ý kiến bổ sung gì khác.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo diện tích đo đạc thực tế của các thửa 2159, 2158, 2175, 2156 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An tổng diện tích 04 thửa theo giấy chứng nhận là 17.769m² (diện tích đo đạc thực tế là 17875,2m²).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Ánh P có văn bản trình bày:

Bà là vợ của ông Huỳnh Văn N. Phần đất tranh chấp thì bà không liên quan.

Bà thống nhất toàn bộ phần trình bày của ông N. Ngoài ra, không có ý kiến bổ sung gì thêm. Do bận công việc nên bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn K có văn bản trình bày:

Các ông là con của ông Huỳnh Văn Tr. Phần đất tranh chấp không T1ộc quyền sử dụng của bà Lê Thị Vàng mà là tài sản riêng của ông Huỳnh Văn Tr nên việc nguyên đơn khởi kiện là không có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do bận công việc nên các ông xin vắng mặt tại Tòa án các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L trình bày: Bà thống nhất toàn bộ phần trình bày của nguyên đơn ông Võ Phú T1. Ngoài ra, không có ý kiến bổ sung gì thêm. Do bận công việc nên bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T4 trình bày: Do ở xa nên bà xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th có văn bản trình bày: Do bận công tác nên đại diện Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th

xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, kiểm tra chứng cứ nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Võ Phú T1 là nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N, ông Võ Phú T2, ông Võ Phú T3, ông T1 trình bày: Ông vẫn giữ nguyên phần trình bày trước đây về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất. Do bà Lê Thị Vàng có ba người con gồm Võ Phú Hiếu, Võ Phú Thảo, Võ Thị Hóa (tất cả đều đã chết) nên đề nghị chia làm ba kỷ phần thừa kế, mỗi kỷ phần thừa kế có diện tích là 5.958,4m² (trong tổng di sản thừa kế của bà Vàng có diện tích đo đạc thực tế là 17875,2m²). Trong đó, các đồng nguyên đơn gồm: Bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1 là con của ông Võ Phú Thảo (hàng thừa kế thứ nhất của bà Vàng) được chia thừa kế bằng giá trị, ông đề nghị nhận bằng tiền đối với quyền sử dụng đất có diện tích 5.958,4m² thuộc các thửa 2159, 2158, 2175, 2156 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị đơn ông Huỳnh Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L1, ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị H1 thống nhất trình bày: Năm 1976, chính quyền cách mạng tịch thu ruộng đất này nên có mời ông Tr và bà Vàng, bà Lờ đến làm việc. Năm 1976, chính quyền xã Nhị Th cho gia đình ông Tr cùng 12 hộ dân vào làm tập thể đến năm 1988. Năm 1989, nhà nước chia ruộng đất cho những hộ dân có công với cách mạng và những hộ dân không có ruộng gặp khó khăn. Ông Tr đã làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã Nhị Th xin cấp ruộng vì không có ruộng sản xuất và là người trực tiếp canh tác đất sản xuất. Sau đó, chính quyền xã không đồng ý trả lại 3,6ha đất lúa cho bà Vàng mà chia bình quân 13 nhân khẩu giải quyết cho ông Tr được 01 ha đất trồng lúa. Ngoài ra, do xét thấy hoàn cảnh gia đình ông Tr khó khăn nên người dân địa phương đồng ý nhường là 0,7ha đất lúa cho ông, tổng cộng là 1,7ha. Gia đình ông Tr canh tác phần đất này từ năm 1989 đến nay. Sau khi Ủy ban huyện Thủ Th thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tr và ông N, đến nay chưa cấp lại cho ai do có tranh chấp. Do đó, tài sản này không phải là di sản thừa kế của bà Vàng chết để lại, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Theo Công văn số 207/UBND-NC ngày 29/3/2011 Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th xác định diễn biến nguồn gốc đất trên là của bà Vàng mua của địa chủ từ năm 1955. Ông Tr, bà Hóa sống chung với bà Vàng và canh tác phần đất này từ năm 1963. Đến năm 1975 thì bị thu hồi, năm 1988 bà Vàng khiếu nại thì được giao lại 01 ha, sau đó năm 1989 mới được các hộ dân tự nguyện trả thêm diện tích còn lại. Ông Tr kê khai năm 1995 và được cấp giấy năm 1997 mà không xem xét đến nguồn gốc đất và

quá trình sử dụng đất liên tục của bà Vàng từ năm 1955 đến năm 1975, đồng thời cũng không có văn bản về ý kiến của bà Vàng là không có cơ sở.

Ông Nguyễn Văn Lũy là nguyên chủ tịch xã Nhị Th (1990-2000) xác nhận, thời điểm 1992 ông Tr có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, không cấp cho ông Tr vì lý do đất của bà Vàng. Năm 1995 có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn xã, ông Tr lại đi kê khai với cán bộ địa chính, xã không kiểm tra kỹ nên cấp nhầm cho ông Tr. Do đó, năm 1997, ông Tr được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thực canh là không đúng thực tế.

Năm 1992 bà Vàng có lập tờ “Ủy quyền chúc ngôn” đề ngày 29/6/1992, có ký tên, lấn tay, xác nhận của UBND, có đoạn: “Sau khi tôi qua đời, Tờ ủy quyền này thay thế tờ chúc ngôn”. Tại thời điểm lập tờ ủy quyền chúc ngôn pháp luật chưa cho phép lập di chúc định đoạt quyền sử dụng đất lúa, nhưng theo Luật đất đai năm 1993 đã cho phép. Năm 2000 bà Vàng chết nên quyền sử dụng đất tại thời điểm này phải được xác định là di sản thừa kế.

Bản án phúc thẩm số 103/2011/DS-PT ngày 28/4/2011 giải quyết tranh chấp: Kiến nghị UBND huyện Thủ Th ra Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Tr ngày 12/12/1997. Ngày 04/7/2011 UBND huyện Thủ Th cũng có Quyết định số 2371/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Tr và ông N để ông Võ Phú T1 đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặc khác, ông Tr không cung cấp giấy tờ gì chứng minh việc ông Tr, bà Hóa được bà Vàng tặng cho phần đất này.

Như vậy, có cơ sở xác định nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của bà Lê Thị Vàng. Bà Vàng chết năm 2000 nên nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Lê Thị Vàng theo pháp luật gồm các thửa 2159, 2158, 2175, 2156 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An tổng diện tích 04 thửa là 17.769m² (đo đạc thực tế 17.875,2m²) làm ba kỷ phần thừa kế. Tại phiên tòa ông T1 đại diện cho hàng thừa kế của ông Thảo yêu cầu được nhận thừa kế bằng giá trị nên cần xem xét chấp nhận.

Do phần đất này do ông Tr sống cùng bà Vàng đã có công sức đóng góp nên cần xem xét cho ông Tr được hưởng phần công sức đóng góp đối với di sản thừa kế trước khi chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Vàng.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế đối với di sản của bà Vàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Các đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế các thửa 2159, 2158, 2175, 2156 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An tổng diện tích 04 thửa theo giấy chứng nhận là 17.769m² (diện tích đo đạc thực tế là 17875,2m²). Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp thừa kế tài

sản”. Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26, Điều 35, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th thu hồi theo Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 04/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th trên cơ sở Bản án dân sự phúc thẩm số 103/2011/DS-PT ngày 28/4/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Hiện nay chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Các đương sự cam kết khởi kiện tại Tòa án.

Những người thừa kế gồm ông Võ Phú T2, ông Võ Phú T3 là người Việt Nam định cư ở nước ngoài căn cứ Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng:

Theo đơn khởi kiện các đồng nguyên đơn gồm bà Lưu Thị Đ, bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1 khởi kiện tranh chấp thừa kế nên được xác định là nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ chết ngày 05/11/2021, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ gồm bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1 được xác định là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ. Ông Huỳnh Văn Tr, ông Huỳnh Văn N bị khởi kiện nên được xác định là bị đơn; những người thừa kế, cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc ủy quyền của các đương sự hợp lệ nên được chấp nhận.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự:

Ông Võ Phú T1, ông Huỳnh Văn N, ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị L1, bà Huỳnh Thị H1 có mặt. Những người còn lại vắng mặt đã được tổng đạt hợp lệ có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về thủ tục tiền tố tụng:

Vụ án liên quan đến tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất không bắt buộc hòa giải cơ sở theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[5] Về chứng cứ:

Các bên có quyền yêu cầu và có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tòa án xét xử theo quy định tại Điều 6 và Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[6] Về phạm vi xét xử:

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Các đương sự giữ nguyên lời trình bày của mình và không thỏa thuận với nhau về

việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của các đương sự.

Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự. Luật áp dụng là Bộ luật dân sự năm 1995, năm 2005 và năm 2015, Luật Đất đai năm 1993 và năm 2013.

[7] Về hàng thừa kế:

Các đương sự trình bày thống nhất:

Bà Lê Thị Vàng (chết năm 2000) có 03 người con là: ông Võ Phú Hiếu (chết năm 1975); ông Võ Phú Thảo (chết năm 2008); bà Võ Thị Hóa (chết năm 1989). Ngoài ra, không còn người con nào khác.

Ông Võ Phú Hiếu (chết năm 1975) có 05 người con bao gồm: Ông Võ Văn N, ông Võ Phú T2, ông Võ Phú T3, bà Võ Thị L, bà Võ Thị T4. Ngoài ra, không còn người con nào khác.

Ông Võ Phú Thảo (chết năm 2008) có vợ là bà Bà Lưu Thị Đ, sinh năm 1933. Ông Thảo và bà Đ có 06 người con chung bao gồm: Bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1. Bà Đ chết ngày 05/11/2021, những người kế của bà Đ gồm bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1. Ngoài ra, không còn người con nào khác.

Bà Võ Thị Hóa (chết năm 1989) có chồng là ông Huỳnh Văn Tr, sinh năm 1937. Bà Hóa và ông Tr có 10 người con chung gồm: Bà Huỳnh Thị L1, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị T5, bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn K, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị Kim Thoa (bà Thoa đã chết cách đây khoảng 10 năm, không có chồng, con). Ngoài ra, không còn người con nào khác.

Các đương sự xác định bà Vàng, ông Hiếu, ông Thảo, bà Hóa, bà Đ không còn vợ, chồng, con nào khác. Các đương sự cam kết không bỏ sót người thừa kế của bà Vàng, ông Hiếu, ông Thảo, bà Hóa, bà Đ.

[8] Các đương sự thống nhất tranh chấp các thửa 2159, 2158, 2175, 2156 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An tổng diện tích 04 thửa theo giấy chứng nhận là 17.769m² (diện tích đo đạc thực tế là 17.875,2m²) loại đất lúa theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 287-2021 ngày 04/6/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Th làm căn cứ giải quyết vụ án. Thống nhất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2020, chứng thư thẩm định giá số 138/21/BDS-DV ngày 12/10/2021 của Công ty TNHH giám định và thẩm định giá Thương Tín làm căn cứ giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Hiện trạng các thửa đất là đất lúa, có bờ ranh với các thửa đất liền kề nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Mảnh trích đo ngày 04/6/2021 làm căn cứ giải quyết vụ án.

[9] Về tài sản: Các đương sự trình bày thống nhất phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 17.875,2m², gồm thửa 2159 diện tích 4.947,2m² (khu A

và B), thửa 2158 diện tích 5.860m² (khu C), thửa 2175 diện tích 5.765m² (khu D), 2156 diện tích 1.303m² (khu E), loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An thuộc một phần trong tổng diện tích 3,6ha bà Lê Thị Vàng mua vào năm 1955.

Ông Võ Phú T1 cho rằng, sau khi rã tập đoàn bà Vàng đã khiếu nại và được trả đất nên phần đất này thuộc quyền sử dụng đất của bà Vàng. Bà Vàng chết không để lại di chúc nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho những người thừa kế của bà Vàng gồm ông Hiếu, ông Thảo và bà Hóa. Ông Tr và những người thừa kế của bà Hóa cho rằng đất được trả cho ông Tr nên ông Tr có quyền sử dụng. Như vậy, các đương sự chỉ thống nhất căn cứ xác lập quyền sử dụng đất nhưng không thống nhất quyền sử dụng đất là của bà Vàng hay ông Tr.

[10] Xét lời trình bày của các đương sự, thấy rằng:

Thửa 2159, 2158, 2175, 2156 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An tổng diện tích đo đạc thực tế là 17.875,2m² loại đất lúa có nguồn gốc của bà Lê Thị Vàng mua của ông Lê Văn Châu vào ngày 01/4/1955. Bà Vàng canh tác đến khoảng năm 1963, con gái là Võ Thị Hóa và con rể là Huỳnh Văn Tr về sống chung với bà Vàng và cùng canh tác đất.

Sau năm 1975, đất của bà Vàng được đưa vào tập đoàn sản xuất, cấp đất cho các hộ dân có hoàn cảnh khó khăn không có đất sản xuất. Năm 1988, rã tập đoàn, bà Vàng khiếu nại đòi lại đất và được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th trả 01ha. Lúc này ông Tr ở cùng bà Vàng, cùng canh tác phần đất này. Năm 1989, bà Vàng tiếp tục khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th có văn bản không giải quyết, đồng thời công nhận đất cho 12 hộ dân đã được cấp đất. Tuy nhiên, người dân được chia đất tự nguyện trả lại 0,7 ha, tổng diện tích được trả là 1,7ha.

Ngày 29/6/1992, bà Vàng lập “tờ ủy quyền” có nội dung ủy quyền cho con trai là ông Võ Phú Thảo phân đất ruộng 3,6 ha đất đã mua năm 1955 đang canh tác để ông Thảo sử dụng và phụng dưỡng bà Vàng trong lúc già yếu, khi nào bà Vàng chết thì tờ ủy quyền này thay thế di chúc.

Năm 1995, ông Huỳnh Văn Tr có đi kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 1,7ha nêu trên. Ngày 12/12/1997, Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K058448 cho ông Huỳnh Văn Tr theo sổ bộ quản lý gồm các thửa 2159, 2158, 2175, 2156, tổng diện tích 17.760m² tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th. Quá trình sử dụng, ông Tr lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là Huỳnh Văn N các thửa 2156, 2158, tờ bản đồ số 2, tổng diện tích 7.174m² và được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 230626, AH 230627 ngày 30/01/2007.

Năm 2001, bà Vàng chết. Ông Võ Phú Thảo mang tờ ủy quyền đề ngày 29/6/1992 đến Ủy ban nhân dân xã Nhị Th kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện ông Huỳnh Văn Tr đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Võ Phú Thảo khiếu nại và được Ủy ban nhân xã Nhị Th hòa giải nhưng không T. Năm 2007, ông Thảo khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Thủ Th. Tại Bản án sơ thẩm số 45/2010/DS-ST ngày 04/6/2010 đã bác yêu cầu của ông Thảo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thảo (do ông Thảo chết năm 2008), trong đó có ông Võ Phú T1 về việc đòi quyền sử dụng đất đối với ông Huỳnh Văn Tr và ông Huỳnh Văn N.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thảo kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 103/2011/DS-PT ngày 28/4/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã xác định “mặc dù bà Vàng lập giấy ủy quyền thay chúc ngôn ngày 29/6/1992 thời điểm này chưa cho lập di chúc là quyền sử dụng đất lúa nhưng ngày 15/10/1993 Luật đất đai sửa đổi cho thừa kế quyền sử dụng đất. Năm 2000, bà Vàng mới chết nên quyền sử dụng đất của bà Vàng có trước năm 2000 là di sản thừa kế nhưng bà Vàng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúa nên Tòa án không thể chia di sản thừa kế”. Đồng thời, bản án đã kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Văn Tr và ông Huỳnh Văn N đối với các thửa đất 2159, 2158, 2175, 2156 và xem xét cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thẩm quyền. Bản án dân sự phúc thẩm số 103/2011/DS-PT ngày 28/4/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đang có hiệu lực pháp luật.

Ngày 04/7/2011, của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th ra quyết định số 2371/QĐ-UBND đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Văn Tr và ông Huỳnh Văn N đối với các thửa đất nêu trên theo Bản án dân sự phúc thẩm số 103/2011/DS-PT ngày 28/4/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Hiện tại phần đất tranh chấp vẫn do ông Tr và ông N cùng sử dụng, các bên đang tranh chấp nên Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th chưa cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo công văn số 207/UBND ngày 29/3/2011, công văn số 1242/UBND-NC ngày 07/9/2017, công văn số 1358/UBND-KT ngày 10/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của bà Vàng. Bà Vàng được Nhà nước giao trả đất và một số hộ dân trả với tổng diện tích 1,7ha đất.

Ông Huỳnh Văn Tr và ông Huỳnh Văn N cho rằng ông Tr là người khiếu nại đòi đất và được Ủy ban huyện Thủ Th trả đất chia bình quân 13 nhân khẩu gồm bà Vàng, vợ chồng ông Tr và 10 người con của ông nhưng ông Tr không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ xác định ông Tr là người được trả đất. Ông Tr không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông và bà Hóa đã được bà Vàng tặng cho phần đất này.

Mặt khác, theo xác nhận của ông Nguyễn Văn Lũy, nguyên là Chủ tịch xã Nhị Th thời điểm năm 1990-2000, ông Lũy xác định thời điểm 1992 ông Tr có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, không cấp cho ông Tr vì lý do đất của bà Vàng. Năm 1995 có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn xã, ông Tr lại đi kê khai với cán bộ địa chính, xã không kiểm tra kỹ nên cấp nhầm cho ông Tr.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ xác định phần đất thuộc thửa 2159, 2158, 2175, 2156 từ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh

Long An tổng diện tích đo đạc thực tế là 17.875,2m² loại đất lúa của bà Lê Thị Vàng chết để lại. Ông Võ Phú T1 yêu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

[11] Ông Võ Phú T1 không yêu cầu xem xét tờ ủy quyền ngày 29/6/1992 và đề nghị chia theo pháp luật cho những người thừa kế của bà Vàng. Tại phiên tòa, ông T1 yêu cầu được nhận giá trị đất. Ông N, ông T1 đều xác định ông Tr đang trực tiếp quản lý đất nên cần giao cho ông Tr tiếp tục sử dụng và có nghĩa vụ hoàn giá trị cho các thừa kế còn lại.

[12] Về công sức đóng góp:

Khi chia thừa kế cần xem xét đến công sức của ông Tr trong quá trình quản lý, sử dụng đất. Thấy rằng, từ năm 1955, các con của bà Vàng gồm ông Võ Phú Hiếu sống tại thành phố Hồ Chí Minh, ông Võ Phú Thảo đã có nhà sinh sống cùng gia đình tại thị xã Tân A. Ông Tr sống cùng bà Vàng từ năm 1963-1964, cùng bà Vàng quản lý, sử dụng đất, khi rã tập đoàn thì chính ông Tr cùng bà Vàng đi khiếu nại để Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th trả đất cho Vàng. Sau khi được trả đất, bà Vàng giao cho ông Tr sử dụng đến nay. Do đó, ông Tr có công sức rất lớn đối với phần đất này nên để đảm bảo quyền lợi của ông Tr cần chia cho ông Tr ½ giá trị đất là hợp tình, hợp lý. Phần diện tích đất còn lại ½ giá trị đất là di sản của bà Vàng được chia thừa kế.

[13] Về kỹ phần thừa kế:

[13.1] Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 287-2021 ngày 04/6/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Th, chứng thư thẩm định giá số 138/21/BDS-DV ngày 12/10/2021 của Công ty TNHH giám định và thẩm định giá Thương Tín diện tích đất tranh chấp thửa 2159, 2158, 2175, 2156 đo đạc thực tế là 17.875,2m² có giá trị là 6.435.072.000 đồng.

Ông Tr được trích công sức đóng góp là ½ giá trị đất với số tiền là 3.217.536.000 đồng.

[13.2] Phần còn lại ½ giá trị đất với số tiền là 3.217.536.000 đồng được chia cho các đồng thừa kế của bà Vàng gồm ông Võ Phú Hiếu, ông Võ Phú Thảo, bà Võ Thị Hóa. Mỗi kỹ phần là 1.072.512.000 đồng. Ông Hiếu, ông Thảo, bà Hóa đều đã chết nên những người thừa kế của ông Hiếu, ông Thảo, bà Hóa được hưởng. Di sản được chia cụ thể như sau:

Ông Võ Phú Hiếu (chết năm 1975) được hưởng một kỹ phần thừa kế của bà Vàng có giá trị là 1.072.512.000 đồng. Tuy nhiên, do ông Hiếu đã chết, ông Hiếu có 05 người con bao gồm: Ông Võ Văn N, ông Võ Phú T2, ông Võ Phú T3, bà Võ Thị L, bà Võ Thị T4 nên những người này mỗi người được hưởng kỹ phần thừa kế có giá trị là 214.502.400 đồng. Do trong vụ án này, ông N, ông Thanh, ông Toàn, bà Loan, bà Thúy chưa có yêu cầu khởi kiện nên tạm giao cho ông Tr quản lý. Ông N, ông Thanh, ông Toàn, bà Loan, bà Thúy được quyền khởi kiện ông Tr đối với kỹ phần được nhận thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

Ông Võ Phú Thảo (chết năm 2008) có vợ là bà Lưu Thị Đ, sinh năm 1933 (bằng Đăng chết ngày 05/11/2021). Ông Thảo và bà Đ có 06 người con

chung bao gồm: Bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1. Bà Đ đã chết nên bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1 là con của ông Thảo và bà Đặng, những người này được hưởng chung một kỷ phần thừa kế là 1.072.512.000 đồng. Do trong vụ án này, những người này là nguyên đơn và có yêu cầu chia thừa kế nên bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1 mỗi người được hưởng 178.752.000 đồng.

Bà Võ Thị Hóa (chết năm 1989) được hưởng một kỷ phần thừa kế của bà Vàng có giá trị là 1.072.512.000 đồng. Tuy nhiên, do bà Hóa đã chết trước bà Vàng nên những người con của bà Hóa được hưởng thừa kế thế vị, bà Hóa có 10 người con gồm: Bà Huỳnh Thị L1, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị T5, bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn K, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị Kim Thoa (bà Thoa đã chết, không có chồng, con). Do đó, 09 người con còn sống của bà Hóa gồm bà Huỳnh Thị L1, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị T5, bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn K, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn N mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế thế vị có giá trị là 119.168.000 đồng. Trong vụ án này, những người thừa kế của bà Hóa chưa có yêu cầu nên tạm giao cho ông Tr quản lý. Những người thừa kế của bà Hóa được quyền khởi kiện ông Tr kỷ phần được hưởng thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Các đương sự thống nhất phần đất tranh chấp hiện do ông Tr đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông Huỳnh Văn Tr được tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa 2159 diện tích đo đạc thực tế 4.947,2m², thửa 2158 diện tích đo đạc thực tế 5.860m², thửa 2175 diện tích đo đạc thực tế 5.765m², 2156 diện tích đo đạc thực tế 1.303m², loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

Từ những phân tích trên, yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn là có căn cứ, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[14] Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 19.929.000 đồng. Các đồng nguyên đơn chịu ½ chi phí với số tiền 9.964.500 đồng. Ông Huỳnh Văn Tr phải chịu ½ chi phí với số tiền 9.964.500 đồng. Ông Võ Phú T1 nộp tạm ứng toàn bộ chi phí nên buộc bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7 mỗi người nộp 1.660.750 đồng; ông Huỳnh Văn Tr phải nộp 9.964.500 đồng để hoàn trả cho ông Võ Phú T1.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định Điều 12, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Võ Phú T1, ông Huỳnh Văn Tr được miễn án phí.

Bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7 mỗi người phải chịu 8.937.600 đồng.

Khấu trừ cho bà Võ Thị Ánh T 3.455.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000547 ngày 03/9/2019; 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000052 ngày 04/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Khấu trừ cho bà Võ Thị Ánh T 3.455.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000548 ngày 03/9/2019; 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000051 ngày 04/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Khấu trừ cho ông Võ Phú D 3.455.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000546 ngày 03/9/2019; 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000050 ngày 04/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Khấu trừ cho ông Võ Phú T 3.455.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000545 ngày 03/9/2019; 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000049 ngày 04/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 34, 35, 37, 147, 157, 165, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 609, Điều 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652, Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 166, khoản 2 Điều 170, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, 14, 26 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Lê Thị Vàng là quyền sử dụng đất gồm các thửa 2159 diện tích đo đạc thực tế 4.947,2m², thửa 2158 diện tích đo đạc thực tế 5.860m², thửa 2175 diện tích đo đạc thực tế 5.765m², 2156 diện tích đo đạc thực tế 1.303m², loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

1.1. Trích cho ông Huỳnh Văn Tr ½ giá trị quyền sử dụng đất đối với các thửa 2159 diện tích đo đạc thực tế 4.947,2m², thửa 2158 diện tích đo đạc thực tế 5.860m², thửa 2175 diện tích đo đạc thực tế 5.765m², 2156 diện tích đo đạc thực tế 1.303m², loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An là công sức tôn tạo, gìn giữ tài sản.

1.2. Xác định ½ giá trị quyền sử dụng đất gồm thửa 2159 diện tích đo đạc thực tế 4.947,2m², thửa 2158 diện tích đo đạc thực tế 5.860m², thửa 2175 diện tích đo đạc thực tế 5.765m², 2156 diện tích đo đạc thực tế 1.303m², loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An là di sản thừa kế của cụ Lê Thị Vàng để lại chưa chia.

Chia thừa kế theo pháp luật ½ giá trị quyền sử dụng đất gồm thửa 2159 diện tích đo đạc thực tế 4.947,2m², thửa 2158 diện tích đo đạc thực tế 5.860m², thửa 2175 diện tích đo đạc thực tế 5.765m², 2156 diện tích đo đạc thực tế 1.303m², loại

đất lúa, cùng tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An là di sản thừa kế của cụ Lê Thị Vàng.

Di sản thừa kế của cụ Lê Thị Vàng được chia như sau:

1.2.1. Xác định kỹ phần thừa kế của các ông, bà gồm: Ông Võ Văn N, ông Võ Phú T2, ông Võ Phú T3, bà Võ Thị L, bà Võ Thị T4 mỗi người được hưởng kỹ phần thừa kế có giá trị là 214.502.400 đồng.

Do trong vụ án này những người thừa kế của ông Võ Phú Hiếu gồm ông Võ Văn N, ông Võ Phú T2, ông Võ Phú T3, bà Võ Thị L, bà Võ Thị T4 chưa có yêu cầu khởi kiện nên tạm giao cho ông Tr quản lý. Ông N, ông Thanh, ông Toàn, bà Loan, bà Thúy được quyền khởi kiện ông Tr đối với kỹ phần được nhận thành vụ án khác theo quy định pháp luật nếu có tranh chấp.

1.2.2. Bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1 mỗi người được hưởng một kỹ phần thừa kế có giá trị là 178.752.000 đồng.

Buộc ông Huỳnh Văn Tr có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7, ông Võ Phú T1 mỗi người số tiền là 178.752.000 đồng.

1.2.3. Xác định kỹ phần thừa kế của các ông bà gồm: Bà Huỳnh Thị L1, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị T5, bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn K, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn N mỗi người được hưởng một kỹ phần thừa kế có giá trị là 119.168.000 đồng.

Trong án này, những người thừa kế của bà Võ Thị Hóa gồm bà Huỳnh Thị L1, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị T5, bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn K, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn N chưa có yêu cầu nên tạm giao cho ông Tr quản lý. Những người thừa kế của bà Hóa gồm bà Huỳnh Thị L1, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị T5, bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn K, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn N được quyền khởi kiện ông Tr kỹ phần được hưởng thành vụ án khác theo quy định của pháp luật nếu có tranh chấp.

1.2.4. Ông Huỳnh Văn Tr được tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa 2159 diện tích đo đạc thực tế 4.947,2m², thửa 2158 diện tích đo đạc thực tế 5.860m², thửa 2175 diện tích đo đạc thực tế 5.765m², 2156 diện tích đo đạc thực tế 1.303m², loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

Ông Huỳnh Văn Tr được liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký và làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 2159 diện tích đo đạc thực tế 4.947,2m², thửa 2158 diện tích đo đạc thực tế 5.860m², thửa 2175 diện tích đo đạc thực tế 5.765m², 2156 diện tích đo đạc thực tế 1.303m², loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Nhị Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An theo quy định của pháp luật về đất đai.

Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Các đương sự không được ngăn cản các bên thực hiện quyền của người được xác lập quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định của Tòa án. Trường hợp các bên vi phạm việc sử dụng đất đã được xác định theo bản án, quyết định của Tòa án thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế thi hành án.

(Vị trí, tứ cận, diện tích, loại đất của phần đất nêu trên được xác định theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 287-2021 ngày 04/6/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Th)

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 19.929.000 đồng. Các đồng nguyên đơn chịu $\frac{1}{2}$ chi phí với số tiền 9.964.500 đồng. Ông Huỳnh Văn Tr phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí với số tiền 9.964.500 đồng. Ông Võ Phú T1 nộp tạm ứng toàn bộ chi phí nên buộc bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7 mỗi người nộp 1.660.750 đồng; ông Huỳnh Văn Tr phải nộp 9.964.500 đồng để hoàn trả cho ông Võ Phú T1.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Võ Phú T1, ông Huỳnh Văn Tr được miễn án phí.

4.2. Bà Võ Thị N, ông Võ Phú T, ông Võ Phú D, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh T7 mỗi người phải chịu 8.937.600 đồng.

Khấu trừ cho bà Võ Thị Ánh T 3.455.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000547 ngày 03/9/2019; 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000052 ngày 04/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Khấu trừ cho bà Võ Thị Ánh T7 3.455.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000548 ngày 03/9/2019; 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000051 ngày 04/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Khấu trừ cho ông Võ Phú D 3.455.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000546 ngày 03/9/2019; 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000050 ngày 04/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Khấu trừ cho ông Võ Phú T 3.455.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000545 ngày 03/9/2019; 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000049 ngày 04/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Vân